

Bản án số: 80/2023/HS-ST

Ngày: 15-12-2023

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Phan Ngọc Rỡ

Bà Phạm Thị Lập

Ông Võ Văn Thới

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hoàng Lưu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

- Bị cáo: Trần Văn N; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984; Nơi sinh: Bến Tre; Nơi thường trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi ở hiện tại: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tiền án, tiền sự: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Cha: Trần Văn B; Sinh năm: 1960 (chết năm 1988); Mẹ: Nguyễn Thị B1; Sinh năm: 1960 (còn sống); A, em ruột: có 05 người; Vợ: Thạch Thị Pha Q, sinh năm: 1990; Bị can Trần Văn N bị tạm giữ từ ngày 06/3/2023 đến ngày 09/3/2023 chuyển tạm giam cho đến nay (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Nguyễn Hòa B2, Văn phòng luật sư Nguyễn Hòa B2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (Có mặt)

- Bị hại:

1. Ngô Hữu N1 (đã chết);

2. Đặng Hoàng P, sinh năm 2003; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Ngô Hữu N1:*

1. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1970 (có mặt)

2. Bà Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm N, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (Có mặt)

2. Bà Thạch Thị Pha Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt)

3. Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương (có mặt)

4. Trần Thị Kim A, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A D, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

5. Ông Trần Hoàng N2, sinh năm 1989; địa chỉ: Số C B, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

6. Ông Lê Thành T1, sinh năm 2004; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt)

7. Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt)

8. Ông Huỳnh Hoàng Q1, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 05/3/2023, Lê Thành T1 tổ chức uống bia tại phòng trọ số 15 nhà trọ Kim Ngân tại đường số A A, khu dân cư T thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (do T1 thuê) cùng với Ngô Hữu N1 (Tèo), Đặng Hoàng P, Lê Tuấn K, Huỳnh Văn Q2. Trong lúc đang ngồi uống bia thì T1 nhìn thấy Trần Văn N cũng là người ở thuê tại phòng trọ số A (cách phòng trọ số 15 khoảng 4 m) nên nói với N “anh N ơi, hôm nay em rửa phòng, anh vào uống

với em một cái”, N nói “để anh dọn dẹp mấy con gà rồi anh qua”, một lúc sau N đi đến phòng trọ số 15 của T1 để cùng uống bia. Trong lúc ngồi uống bia thì giữa N và P xảy ra mâu thuẫn, cự cãi lớn tiếng qua lại về công ty nơi N đang làm tốt hơn, chế độ ưu đãi hơn công ty của P đang làm, nên T1, Q2, K có khuyên ngăn, cả hai bỏ qua và tiếp tục uống bia. Lúc này N nói với T1 “để anh uống một cái nữa rồi về đi làm”, uống xong N cầm ly bia để mạnh xuống nền gạch và nhìn anh P nhưng không nói gì rồi đứng dậy đi ra về. Do tức giận hành động của N nên P cầm bẻ gãy đôi đũa và đứng dậy, T1 hỏi P “chuyện gì vậy”, P nói “này giờ bạn không nghe ổng nói gì cả”, T1 nói “thôi bỏ đi bạn ơi, nay tôi rửa phòng, làm rùm beng lên kỳ lắm”. Q2 nghe vậy nên nói với P “thôi bỏ đi, để mai anh N tỉnh lại rồi anh nói cho”, cùng lúc này Huỳnh Văn D, (là bạn làm chung công ty với T1 và N) đến phòng trọ của T1 đứng trước cửa chơi và nghe nội dung mâu thuẫn giữa P và N. Lúc này N đang đứng trước cửa phòng số 14 mở khóa để vào phòng thì D đi đến nói với N “ông chạy đi để có chuyện lớn bây giờ”, N nói “chuyện lớn gì”, D nói “túi nó đâm ông bây giờ”, N nói “tao làm gì mà đâm tao”, cùng lúc này N nghe từ phòng số 15 giọng nói của anh Q2, T1 kêu “thôi bỏ đi”, sợ bị đánh nên N bỏ chạy ra phía sau dãy phòng trọ hướng ra đường nhựa trước nhà trọ, quẹo về bên trái đường khoảng 20m trốn phía sau xe ô tô của người dân cạnh băng ghế đá, và cởi bỏ áo thun ngắn tay màu xanh đang mặc tại đây. Khoảng 10 phút sau, do đã có uống rượu, bia và nhớ lại chuyện P đòi đánh nên N đi bộ đến tiệm T3 “39K” do Lê Xuân T2 làm chủ cách nhà trọ Kim N3 khoảng 120m mua 02 con dao, với giá mỗi con dao là 25.000 đồng có cùng đặc điểm là loại dao Thái Lan, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại màu bạc, cán dài 11cm, rộng 1,5cm, trên cán dao có hiệu “KIWI”, lưỡi dao có đầu nhọn và một bên cắt, dài 12cm và rộng 1,9cm, mua xong N bỏ 02 con dao vào hai bên túi quần rồi đi về nhà trọ theo lối đi chung giữa hai dãy phòng trọ và đến trước phòng trọ số 15 để nói chuyện, lúc này nhóm của P đang đứng trước cửa phòng, N đi đến đứng đối diện với P nói “này mày đòi đâm tao, giờ đâm không, tao đâm cho mày coi”, vừa nói xong N dùng tay phải lấy con dao từ túi quần bên phải ra đâm P, thấy vậy N1 liền dùng tay trái ngăn cản làm trúng tay bị chảy máu và trượt té trên nền gạch, còn P chạy vào trong phòng trọ số 15 lấy con dao dài 29 cm có cán và lưỡi bằng kim loại màu đen, mũi dao bằng và một bên lưỡi cắt, lưỡi dao dài 19cm và rộng nhất 5,5cm chạy ra giơ lên dọa chém N, N thụt lùi về phòng trọ số 14 và cầm con dao chạy vòng ra lối đi phía sau phòng trọ số 15 ra đường nhựa. N tiếp tục dùng tay trái lấy con dao trong túi quần bên trái ra cầm rồi tiếp tục đi vào phòng số 15 thì gặp Phạm Văn C là quản lý nhà trọ can ngăn và khuyên N đi về. N cầm 02 con dao đi trở ra đường nhựa quẹo phải đi một đoạn khoảng 50m rồi quay trở lại chạy vào lối đi chung giữa hai dãy phòng trọ hướng về

phòng số 15, khi đi được khoảng 15m thì N gặp Nguyễn Văn S1 (đang ở trọ tại nhà T) khuyên ngăn N đi về nhưng N không đồng ý, lúc này T1, N1 đi từ hướng phòng số 15 đến đứng đối diện cách N khoảng 0,5m, thì N cầm con dao trên tay phải đâm 01 cái hướng từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong trúng vào vùng ngực trái của N1. Lúc này P nhìn thấy N1 bị đâm nên chạy bộ từ phòng số 15 đến định dùng tay đánh N nhưng bị N dùng dao tấn công, rượt đuổi nên P bỏ chạy về hướng vào phòng số 15 và N đâm liên tục nhiều cái từ phía sau vào vùng lưng, vai của P, sau đó cả hai xô xát cùng té ngã trên nền gạch trước phòng số 15, thì P thoát ra được và bỏ chạy về hướng trước cổng nhà trọ rồi quẹo trái, N vẫn cầm 02 con dao trên hai tay đuổi theo P khoảng 100m (hướng về cửa hàng B3) thì đuổi kịp P, N tiếp tục dùng 02 con dao đâm liên tiếp 02 - 03 cái trúng vào vùng lưng, tay của P, P liền quay người lại, khụy gối xuống đối diện N thì N tiếp tục cầm dao tay phải đâm 01 cái hướng từ trên xuống trúng vào vùng mặt bên trái của P làm P ngã nằm trên đường, thấy P nằm im, không chống cự, N cầm 02 con dao trên hai tay bỏ đi đến ngã tư phía bên trái cách nhà trọ khoảng 290m phát hiện có nhiều thùng rác công cộng nên ném 02 con dao vào thùng rác. Ném xong, N đi bộ đến phòng trọ của chị Thạch Thị Pha Q (vợ của N) nhưng không có ở phòng trọ nên N tự mở cửa phòng vào ngồi chờ. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, chị Q về đến phòng trọ thấy hai bàn tay của N bị chảy máu nên Q hỏi N “ông làm gì nữa vậy ông N”, N trả lời “tôi đánh nhau với người ta, giờ không biết người ta có sao không”, sau đó N lấy điện thoại của chị Q gọi bằng ứng dụng Zalo cho anh Trần Hoàng N2 (em ruột của N) nói chuyện thì N2 nhìn thấy hai tay của N chảy máu nên hỏi “anh bị sao vậy”, N trả lời “anh mới đánh nhau với người ta”, do sợ N bị trả thù nên N2 kêu N lên chỗ ở của N2 để N2 đưa đi băng bó vết thương, N đồng ý, sau đó chị Q điều khiển xe mô tô chở N đến nhà của N2 để N2 chở N đi đến cơ sở y tế băng bó vết thương, còn chị Q đi đến nhà của Trần Thị Kim A (em ruột của N) cách nhà N2 khoảng 04 km chờ N. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, sau khi băng bó vết thương, N2 chở N đến nhà của Kim A gồm có Nhân, Q, N2 và Kim A. Sau đó, N kể vụ việc dùng dao đâm người tại nhà trọ Kim N3 và không biết hậu quả thế nào cho tất cả mọi người cùng nghe, lúc này Kim A gọi điện thoại cho Nguyễn Minh S (anh thứ hai của N) biết vụ việc. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 06/3/2023 S đi một mình đến nhà Kim A gặp N, Q, N2 và Kim A, sau khi nghe N kể lại vụ việc N dùng dao đâm người thì tất cả mọi người đều động viên, an ủi N nên ra Cơ quan Công an đầu thú thì N đồng ý. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày N đến Công an huyện Đ, tỉnh Long An đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã gây ra. Đối với N1 đã tử vong trước khi đến bệnh viện, còn P được người dân đưa đến đến Bệnh viện Đ-Long An cấp cứu, điều trị đến ngày 13/3/2023 ra viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 1118/KL-KTHS ngày 15/3/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh L đối với: Nạn nhân Ngô Hữu N1, sinh năm: kết luận như sau:

* Các kết quả chính:

- Toàn thân da, niêm mạc nhợt nhạt. Rách ngón 2 bàn tay phải.
- Vết thương hở ngực trái, kích thước 5,5cm x 02cm, sâu 15cm thấu ngực.

- Bầm tụ máu cơ ngực lớn, đứt rời sụn sườn số 3 bên trái.

- Bầm tụ máu vùng trung thất và màng ngoài tim.

- Thủng màng ngoài tim dài 2,5cm.

- Thủng thành tâm thất trái dài 1,5cm (thủng tim).

- Máu chứa nhiều trong bao màng tim và khoang ngực trái.

* Kết luận: Nạn nhân Ngô Hữu N1 tử vong do sốc mất máu cấp không hồi phục, do bị vết thương hở vùng ngực trái, thấu ngực thủng tim.

Tại Bản kết luận giám định độc chất số: HST 120/KLGĐĐC-TTPY.2023 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế thành phố H kết luận: Nồng độ Ethanol trong máu toàn phần của Trần Văn N gửi giám định là 0,01mg/100ml (Theo Quyết định số 320/QĐ-BYT ngày 23/01/2014 của Bộ Y, trị số bình thường <50,23mg/100ml).

Tại Bản kết luận giám định độc chất số: HST 121/KLGĐĐC-TTPY.2023 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế thành phố H kết luận: Nồng độ Ethanol trong máu toàn phần của Ngô Hữu N1 gửi giám định là 308,36mg/100ml.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 168/KLTTCT-TTPY ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh L đối với tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đặng Hoàng P, sinh năm 2003, HKTT: Ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An, kết luận như sau:

* Các kết quả chính

- 01 sẹo vết thương vùng mặt bên trái kích thước trung bình.

- 01 sẹo vết thương bờ ngoài 1/3 giữa cánh tay trái kích thước lớn.

- 01 sẹo vết thương bờ trong 1/3 trên cánh tay phải kích thước lớn.

- Vùng lưng có 01 sẹo kích thước lớn, 01 sẹo kích thước trung bình, 02 sẹo kích thước nhỏ.

- 01 sẹo ống dẫn lưu vùng ngực trái kích thước trung bình.

- 01 sẹo mặt ngoài đùi trái kích thước trung bình.

- Tổn thương màng phổi. Hiện tại không để lại di chứng.

* Kết luận

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y,

giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đặng Hoàng P tại thời điểm giám định là 24% (*Hai mươi bốn phần trăm*), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Kết luận khác: Không.

Tại Công văn số 290/TTPY-GĐTH ngày 23/10/2023 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y xác định: Căn cứ vào hồ sơ bệnh án và tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra của Đặng Hoàng P nếu không được cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến tử vong.

* Kết quả trích xuất dữ liệu camera: Tổng cộng 09 (chín) đoạn Video Clip từ camera quan sát xác định bị can Trần Văn N đã thực hiện hành vi phạm tội dùng dao đâm bị hại Ngô Hữu N1 tử vong tại nhà trọ K2 và tấn công, truy đuổi đâm bị hại Đặng Hoàng P thương tích nặng.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKSLA-P2 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Long An để xét xử Trần Văn N về tội “Giết người” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Trần Văn N thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố và xác định bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố về tội “Giết người” theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại Ngô Hữu N1 và yêu cầu bồi thường của bị hại Đặng Hoàng P.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Ngô Hữu N1 trình bày: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đại diện bị hại Ngô Hữu N1 yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản gồm: tiền chi phí mai táng, tiền tổn thất tinh thần với tổng số tiền 600.000.000 đồng. Bị cáo Trần Văn N đồng ý và đã nhờ gia đình khắc phục một phần hậu quả, bồi thường số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền 560.000.000đ.

- Bị hại Đặng Hoàng P yêu cầu bị cáo Trần Văn N khắc phục hậu quả, bồi thường số tiền 99.400.000 đồng là chi phí điều trị thương tích. Bị cáo Trần Văn N đồng ý và đã nhờ gia đình khắc phục một phần hậu quả, bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo tiếp tục đồng ý bồi thường tiếp số tiền 80.000.000đ như yêu cầu của bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị B1 trình bày: Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả số tiền 45.000.000 đồng, bà không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm luận tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án như: Bản kết luận giám định pháp y về tử thi; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Bản ảnh hiện trường;... có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi dưỡng bà đã lớn tuổi, có ông nội là người có công với cách mạng; bị hại có một phần lỗi, người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi gây án đã đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ và giết 02 người trở lên là trường hợp đặc biệt nghiêm trọng nên cần được xử lý nghiêm và phải loại bỏ bị cáo khỏi đời sống mới đảm bảo phòng ngừa chung cho xã hội.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 40, Điều 50 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn N tử hình.

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn N 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy vật chứng gây án và tài sản không giá trị sử dụng của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 585 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại giữa bị hại, đại diện của bị hại và bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông nội là người có công với cách mạng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường để khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại; bị cáo giết 02 người trở lên nhưng đối với bị hại P không tử vong thì thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, không áp dụng mức hình phạt cao nhất đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, còn vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên, những người này đã được triệu tập hợp lệ và trước đó đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo Trần Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án như: Bản kết luận giám định pháp y về tử thi, Biên bản

khám nghiệm hiện trường, Bản ảnh hiện trường và những chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được, có đủ căn cứ xác định:

Xuất phát từ mâu thuẫn giữa Trần Văn N với Đặng Hoàng P trong lúc ngồi uống bia tại phòng trọ số 15 của Lê Thành T1, đồng thời N cho rằng nhóm của anh P dọa đánh nên N đã đi mua 02 con dao có cùng đặc điểm là loại dao Thái Lan, cán gỗ dài 11 cm, rộng 1,5 cm, và quay lại đi đến phòng trọ của T1 sử dụng đâm vào vùng ngực Ngô Hữu N1 tử vong do sốc mất máu cấp không hồi phục, do bị vết thương hở vùng ngực trái, thủng ngực thủng tim; đâm vào vùng lưng, ngực, tay anh Đặng Hoàng P tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 24%.

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong lúc nhậu chung nhưng do bản tính côn đồ N đã dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng ngực làm N1 tử vong và đâm liên tiếp nhiều cái vào ngực trái là vùng trọng yếu trên cơ thể của P gây thương tích 24%, nếu không cấp cứu kịp thời thì P sẽ tử vong. Hành vi của N là nhằm tước đoạt tính mạng của P, P không chết mà chỉ bị thương tích là ngoài ý muốn của N. Do đó N phạm tội giết người với 02 tình tiết định khung đó là: Giết hai người và có tính chất côn đồ.

Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự. Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống nhưng bị cáo đã chuẩn bị 02 con dao tấn công 02 bị hại hậu quả làm bị hại Ngô Hữu N1 tử vong và bị hại Đặng Hoàng P thương tích 24% nếu không được cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến tử vong, hành vi của bị cáo thể hiện ý chí và quyết tâm phạm tội rất cao của bị cáo do đó hành vi của bị cáo mang tính chất côn đồ nên Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo về tội “Giết người” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sống của con người, bị cáo cũng thừa biết quyền sống là một trong các quyền cơ bản của con người nhưng bị cáo đã sử dụng dao là hung khí nguy hiểm đâm bị hại, hậu quả làm bị hại tử vong chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, xem thường tính mạng của người khác. Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo thực hiện và hậu quả của hành vi mà bị cáo gây ra nên cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân chưa có tiền án, tiền sự; đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên xem xét chỉ cần cách ly vĩnh viễn bị cáo ra khỏi xã hội mà không nhất thiết phải loại bỏ bị cáo khỏi đời sống cũng đủ mang tính phòng ngừa chung cho xã hội như lời bào chữa của người bào chữa chỉ định cho bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại Ngô Hữu N1 yêu cầu bị cáo Trần Văn N khắc phục hậu quả, bồi thường tiền chi phí mai táng, tiền tổn thất tinh thần ... số tiền 600.000.000 đồng. Bị cáo Trần Văn N đồng ý và đã nhờ gia đình khắc phục một phần hậu quả, bồi thường số tiền 40.000.000 đồng.

- Bị hại Đặng Hoàng P yêu cầu bị cáo Trần Văn N khắc phục hậu quả, bồi thường số tiền 99.400.000 đồng là chi phí điều trị thương tích. Bị cáo Trần Văn N đồng ý và đã nhờ gia đình khắc phục một phần hậu quả, bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

Xét thấy, bị cáo có hành vi giết người hậu quả làm bị hại tử vong nên đây là trường hợp bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm. Căn cứ các Điều 590, 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự theo yêu cầu của đại diện bị hại Ngô Hữu N1 và bị hại Đặng Hoàng P là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Ngô Hữu N1 số tiền 560.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Đặng Hoàng P số tiền 80.000.000 đồng là chi phí điều trị thương tích.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị B1 là mẹ bị cáo đã nộp số tiền bồi thường, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo là 45.000.000 đồng. Bà B1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.\

Đối với hành vi của Kim A, Pha Q, N2 và S không biết hành vi phạm tội của bị cáo, khi biết được sự việc thì đã vận động và đưa bị cáo đi đầu thú nên

Cơ quan điều tra Công an tỉnh L không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng: Tịch thu hiệu hủy hung khí gây án là 02 con dao và các tài sản của bị cáo nhưng không còn giá trị sử dụng do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An quản lý.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Văn N** phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39; Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 03 năm 2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn N 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 590 và Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Trần Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Ngô Hữu N1 số tiền 560.000.000 đồng và bồi thường cho bị hại Đặng Hoàng P số tiền 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

- 02 con dao có cùng đặc điểm là loại dao Thái Lan, cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại màu bạc, 02 lưỡi dao đều bị cong; 02 con dao đều có cán dài 11cm rộng 1,5cm, trên 02 cán dao đều có hiệu “KIWI”; 02 lưỡi dao có đầu nhọn và một bên cắt, dài 12cm và rộng 1,9cm.

- 01 con dao có cán và lưỡi bằng kim loại màu đen, dao dài 29cm, phần lưỡi có mũi bằng và một lưỡi cắt, lưỡi dao dài 19cm và rộng nhất 5,5cm.
- 01 nón kết vải màu đen có họa tiết nhiều màu, nhãn hiệu “Nón Sơn”, số 96 (bị can N đội lúc gây án).
- 01 đôi dép bằng nhựa, quai kẹp, màu trắng, không nhãn hiệu.
- 01 đôi dép bằng nhựa, màu xanh, dưới đế dép có chữ 999 SPEED CAR, XXL TÍN THÀNH (bị can N mang lúc gây án).
- 01 đôi dép quai kẹp, màu đen, nhãn hiệu VT, số dép 40.
- 01 áo thun ngắn tay màu xanh, trên áo có chữ “Công ty S2 ống nước nhựa U”.
- 01 áo thun ngắn tay màu đen hiệu VOGUE, sau lưng áo có chữ D & G, thân áo bên trái có vết rách vải dài 5,5cm.

Các vật chứng trên do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 5 năm 2022.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, và 29.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- CQĐT Công an tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh